

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v: “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 796/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phước T – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch (theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023).

Ông Trương Phước T ủy quyền lại cho ông Phan Trọng P – Chức vụ: Chuyên viên thẻ (theo Giấy ủy quyền số 66/2023/GUQ-PGDPT ngày 29/12/2023) và ông Phan Văn Minh T1, chức vụ: Chuyên viên KHCN (theo Giấy ủy quyền số 106/2024/GUQ-PGDPT ngày 31/12/2024) tham gia tố tụng.

Trụ sở chi nhánh: Số F đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Minh T1, vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Trọng P trình bày:

Ngày 13/02/2023, bà Nguyễn Thị T2 đã ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 436438-0552 với nội dung sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Mục đích: tiêu dùng cá nhân;
- Lãi suất: 2,48%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T2 từ ngày 05/7/2024 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 1.36 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả số tiền nợ gốc 32.579.491 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.989.451 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/02/2025 là 4.494.725 đồng, tổng cộng 46.063.667 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/02/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình

Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên phiên tòa sơ thẩm không có đại diện Viện kiểm sát tham gia.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/02/2023 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/02/2023 thể hiện chủ thẻ đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ). Bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 05/7/2024 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 1.36, Điều 5.7 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại là phù hợp. Ngoài ra, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng còn quy định các loại phí.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả số tiền nợ gốc 32.579.491 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.989.451 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/02/2025 là 4.494.725 đồng, tổng cộng 46.063.667 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/02/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1962, là người trên 60 tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, bà T2 không có văn bản đề nghị miễn nộp tiền án phí Tòa án theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

Buộc bà Nguyễn Thị T2 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 32.579.491 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi một đồng), tiền lãi trong hạn là 8.989.451 đồng (tám triệu chín trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi một đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/02/2025 là 4.494.725 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng), tổng cộng 46.063.667 đồng (bốn mươi sáu triệu không trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/02/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/02/2023, kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 2.303.183 đồng (hai triệu ba trăm lẻ ba ngàn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.391.000 đồng (một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002196 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/02/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên